

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHHD, ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình	Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Chuyên ngành đào tạo	Quản lý kinh tế
Mã ngành	8 31 01 10

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO


1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức là CTĐT định hướng ứng dụng nhằm đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản lý, nhà lãnh đạo điều hành trong tổ chức, doanh nghiệp.

CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được xây dựng nhằm phù hợp với định hướng ứng dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT và Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Quy chế đào tạo Thạc sĩ.

CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của xã hội, nhu cầu hội nhập và phát triển trong thời đại công nghiệp 4.0 và sự kế thừa, vận dụng CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của các trường đại học lớn trong nước và thế giới như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế Huế, Trường Đại học Kinh tế - Vinh, Trường Đại học Ngoại thương cũng như các CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế của các trường đại học trên thế giới như Đại học Essex – Anh và Đại học Sains – Malaysia.

CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế gồm 60 tín chỉ phân bổ cho 15 học phần lý thuyết và 01 học phần thực tập, 01 học phần tốt nghiệp. Trong đó có 10 học phần bắt buộc (39 tín chỉ) và 7 học phần tự chọn (21 tín chỉ, kể cả thực tập và đồ án tốt nghiệp) được phân bổ trong 4 học kỳ, cụ thể:



- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 01 học phần (04 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 01 học phần (03 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 05 học phần (15 tín chỉ) gồm:
 - + Học phần bắt buộc: gồm 1 học phần (03 tín chỉ)
 - + Học phần tự chọn: gồm 4 học phần (12 tín chỉ)
- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 08 học phần (23 tín chỉ) gồm:
 - + Học phần bắt buộc: gồm 5 học phần (14 tín chỉ)
 - + Học phần tự chọn: gồm 3 học phần (09 tín chỉ)
- Thực tập: (06 tín chỉ)
- Tốt nghiệp (đề án): (09 tín chỉ)

CTĐT được phân bổ trong 4 học kỳ như sau:

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (16 tín chỉ)	- 2 HP chung (Triết học và Tiếng Anh)	07
	- 1 HP bắt buộc của khối kiến thức cơ sở	03
	- 2 HP tự chọn của khối kiến thức cơ sở	06
Học kỳ 2 (18 tín chỉ)	- 2 HP tự chọn của khối kiến thức cơ sở	06
	- 2 HP bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	06
	- 2 HP tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành	06
Học kỳ 3 (17 tín chỉ)	- 3 HP bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	05
	- 1 HP tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành	09
	- Thực tập tốt nghiệp	06
Học kỳ 4 (9 TC)	- Viết và bảo vệ đề án tốt nghiệp	09

Nhằm đảm bảo mục tiêu và ngày càng nâng cao chất lượng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đáp ứng đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cơ sở vật chất, hệ thống tài liệu giáo trình, hệ thống kết nối các tổ chức, doanh nghiệp và đơn vị tuyển dụng. Cụ thể, hiện nay ngành Quản lý kinh tế hiện có 4 phó giáo sư, 32 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 11 nghiên cứu sinh và 13 giảng viên có trình độ thạc sĩ có kinh nghiệm giảng dạy trung bình từ 8 đến 25 năm, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như Trường Đại học Kinh tế quốc Dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường đại học Thương Mại, Đại học Hoàng Gia Thái Lan, Đại học Tổng hợp Southern Luzon (Philippine), Đại học Tứ Xuyên (Trung Quốc), Đại học Quebec (Canada), Đại học Greenwick (Anh),... Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, ánh sáng và quạt điện; Hệ thống phòng thực hành và trung tâm thư viện hiện đại được đưa vào ứng dụng giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của người học.

Bên cạnh đó, Khoa KT - QTKD thường xuyên trao đổi với các nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh các CTĐT phù hợp với thực tiễn xã hội, chủ động kết nối và thiết lập mối quan hệ, xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập và tuyển dụng với hàng trăm tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, cựu sinh viên để đồng hành với ngành trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Đây sẽ là những tiền đề, điều kiện tốt để học viên thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được học tập, trải nghiệm và đạt được các chuẩn năng lực đầu ra như mục tiêu đã xây dựng, đáp ứng yêu cầu của đơn vị tuyển dụng và xã hội.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình	Thạc sĩ Quản lý kinh tế (Master of Economic Management)
Mã ngành đào tạo	8 31 01 10
Trường cấp bằng tốt nghiệp	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Số tín chỉ	60
Hình thức đào tạo	- Chính quy/Vừa học vừa làm - Định hướng Chương trình đào tạo: Ứng dụng
Thời gian đào tạo	18 – 24 tháng
Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp đại học theo quy định
Thang điểm đánh giá	Hệ 10
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (60 tín chỉ); Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên. - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	Hoàn thành CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, học viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác ở những vị trí làm việc sau: - Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở các cơ quan, ban ngành chức năng các cấp của trung ương và địa phương; - Tổng giám đốc, giám đốc, cán bộ lãnh đạo của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp; - Chuyên gia tư vấn chính về kinh tế, quản lý và kinh doanh trong nước và thế giới. - Nguyên cứu viên, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.
Học tập nâng cao trình độ	Tiến sĩ trong và ngoài nước

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng giúp người học có kiến thức tổng hợp hiện đại và thực tiễn về kinh tế; kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản lý kinh tế để phân tích, hoạch định chính sách, chiến lược kinh tế và kế hoạch sử dụng các nguồn lực phát triển kinh tế ở các cấp độ vĩ mô và vi mô; có khả năng lãnh đạo, tổ chức thực thi, ứng dụng các chính sách quản lý kinh tế và giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn phục vụ nhu cầu công việc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đạt các mục tiêu cụ thể sau:

PO1: Vận dụng các kiến thức tổng hợp liên ngành bao gồm (quản trị, tài chính, kế toán...) vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế;

PO2: Vận dụng được kiến thức quản lý chuyên sâu để phân tích và dự báo kinh tế xã hội, hoạch định chính sách, chiến lược kinh tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong từng lĩnh vực quản lý kinh tế cụ thể;

PO3: Có kỹ năng quản lý, lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; Thành thạo các kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý kinh tế ở cấp độ nền kinh tế, ngành, vùng, lĩnh vực kinh tế và địa phương trong bối cảnh hội nhập quốc tế;

PO4: Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam đáp ứng các yêu cầu công việc trong thực tiễn.

PO5: Có kiến thức tổng hợp về lý luận chính trị, tự nhiên và xã hội; có năng lực định hướng, tư duy và tầm nhìn chiến lược trong quản lý tổ chức; có năng lực học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn phục vụ nhu cầu công việc.

4. Chuẩn đầu ra CTĐT

Chương trình được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

PLO1: Áp dụng được những kiến thức tổng hợp liên ngành về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán...; về lý luận chính trị, tự nhiên và xã hội vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế;

PLO2: Đánh giá, phân tích được những đặc điểm của từng lĩnh vực quản lý kinh tế cụ thể và các quy luật kinh tế để ứng dụng kiến thức quản lý chuyên sâu trong công tác hoạch định và thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý tổ chức và quản lý kinh tế cấp quốc gia, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương;

PLO3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu về những tác động của môi trường kinh tế - xã hội trong từng lĩnh vực quản lý kinh tế cụ thể;

PLO4: Có kỹ năng làm việc độc lập và thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh, hội nhập và phát triển;

PLO5: Có kỹ năng tổ chức, quản trị, vận dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn, và kỹ năng tư duy vào quản lý, lãnh đạo trong các tổ chức kinh tế và cơ quan quản lý các cấp;

PLO6: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam;

PLO7: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; năng lực quản lý, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế một cách khoa học và sáng tạo; Có khả năng chủ động trong học tập, nghiên cứu và cập nhật kiến thức mới; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và QĐ số 297/QĐ-ĐHHD của trường ĐH Hồng Đức ngày 28 tháng 01 năm 2022 cụ thể đối tượng tuyển sinh là:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý kinh tế sau khi hoàn thiện các học phần bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển. Danh mục ngành phù hợp được quy định như sau:

+ Nhóm 1: Tốt nghiệp các chuyên ngành Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế. Học viên không phải học chuyển đổi bổ sung kiến thức.

+ Nhóm 2: Tốt nghiệp đại học các nhóm ngành: Kinh doanh - 73401; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm – 73402; Kế toán – Kiểm toán – 73403; Quản trị - Quản lý – 73404 và một số ngành khác như: Quản lý công nghiệp – 75106; Quản lý xây dựng – 75803; Nông nghiệp– 76201 (Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp); Khách sạn, nhà hàng – 78102; Quản lý tài nguyên và môi trường – 78501; Kinh tế gia đình – 78105; Kinh tế vận tải – 7840106 và đã học bổ sung kiến thức 3 môn (9 tín chỉ)

+ Kinh doanh quốc tế (3 tín chỉ)

+ Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực (3 tín chỉ)

+ Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu (3 tín chỉ)

+ Nhóm 3: Tốt nghiệp đại học các ngành khác không thuộc nhóm 01, 02 và đã học bổ sung kiến thức 5 môn (15 tín chỉ)

- + Kinh doanh quốc tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
- + Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo mục 3 - điều 5 QĐ số 297/QĐ-ĐHHD của trường ĐH Hồng Đức ngày 28 tháng 01 năm 2022).

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MỤC TIÊU	CHUẨN ĐẦU RA						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
PO1	5	4	4	4	4		3
PO2	3	5	5	4	4		3
PO3	4	4	5	5	4		5
PO4						5	
PO5	3	4	3	3	4	5	5

Ghi chú:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Các phương pháp dạy học: Sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương pháp giảng dạy trong đó ngoài phương pháp thuyết giảng truyền thống, kết hợp công nghệ thông tin trong bài giảng, giảng viên tăng cường các phương pháp giảng dạy tích cực như thảo luận, trao đổi, thực hành tại các đơn vị; dạy học theo tình huống...

7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các học phần sử dụng đa dạng các phương thức đánh giá như: hỏi đáp, thảo luận; nêu và giải quyết tình huống thực tiễn, bài tập nhóm, bài kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện khi hoàn tất 2/3 học phần trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả giữa kỳ của học viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: viết bài tiểu luận, bài thu hoạch về nội dung cho sẵn, thảo luận và trao đổi.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi gồm: bài thu hoạch/bài tiểu luận cuối khóa, thi vấn đáp, thi viết.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	06
		Tự chọn	09
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	14
		Tự chọn	09
4	Thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Tốt nghiệp (đề án): 09 TC	Bắt buộc	09
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

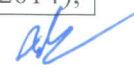
2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	8TA001	Triết học	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Biết vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), <i>Giáo trình Triết học</i> (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn) NXB Đại học sư phạm Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, Hà Nội</p>
2	8THXH1	Tiếng Anh	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng B2.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Jan Bell and Amanda Thomas, 2005, <i>Gold First</i>, Pearsons</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p>

APC

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>	<p>2. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles, 2006, <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i>, Macmillan Education</p>
3	3KT131	Kinh tế học quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư... kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Tạ Đức Khánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quản lý</i>, NXB Giáo dục</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Văn Dân, Phạm Quỳnh Mai (2016), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Cao Thuý Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh (2012), <i>Kinh tế học vi mô 2</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>4. William Poundstone (2015), <i>Thế lưỡng nan của người tù</i>, NXB LĐ-XH</p>
4	3TK102		<p><i>Nội dung học phần:</i> Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Nội dung của học phần bao gồm các phương</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Văn Thắng,</p>

		<p>Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế</p>	<p>pháp nhận diện vấn đề; thu thập, tổng hợp, xử lý dữ liệu; và phân tích, dự báo các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế nói chung và quản lý kinh tế nói riêng. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích và dự báo dữ liệu kinh tế. Học phần này cần thiết cho đối tượng người học là các cán bộ lãnh đạo, quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Học viên sau khi nghiên cứu môn học có được những kỹ năng và phương pháp luận chuyên sâu trong nghiên cứu các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế nói chung và quản lý kinh tế nói riêng.</p>	<p>(2019), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Nguyễn Đình Thọ (2014), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh</i>, NXB tài chính</p> <p>3. Trần Tiến Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản</i>, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội</p>
5	3TK103	<p>Thống kê ứng dụng trong kinh tế</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Thống kê ứng dụng trong kinh tế cung cấp một cách có hệ thống kiến thức cơ bản các phương pháp thống kê nhằm thu thập, tổ chức, trình bày, phân tích và diễn giải dữ liệu về các hiện tượng kinh tế thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế. Các chủ đề của học phần bao gồm: giới thiệu các ứng dụng của thống kê và các thuật ngữ chuyên môn, mô tả tóm tắt dữ liệu, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất, lấy mẫu và ước lượng các tham số của tổng thể từ dữ liệu mẫu, kiểm định các giả thuyết về tổng thể, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng, phân tích dữ liệu thời gian, phương pháp tính các chỉ số, dự đoán tương lai của các hiện tượng, phân tích phương sai trên các mô hình thiết kế thực nghiệm.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2017), <i>Thống kê ứng dụng trong kinh tế & kinh doanh</i>, Nhà xuất bản Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Trần Thị Kim Thu (2014),</p>



			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Học viên sau khi nghiên cứu học phần này có được các kỹ năng vận dụng các phần mềm thống kê hỗ trợ cho việc xử lý và phân tích thống kê từ những dữ liệu đã thu thập thành những thông tin hữu ích, từ đó có thể đưa ra các quyết định, các chiến lược trong kinh doanh và quản lý kinh tế.</p>	<p><i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>3. Phan Công Nghĩa & Bùi Đức Triệu (2012), <i>Giáo trình Thống kê kinh tế</i>, NXB ĐH KTQD</p>
6	3TK104	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	<p><i>Nội dung học phần:</i> Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức Quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội, Kinh tế vĩ mô nâng cao; các kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> học viên sau khi nghiên cứu môn học có được những kỹ năng và phương pháp luận chuyên sâu về chính sách KT – XH, phân tích, đánh giá và lựa chọn chính sách hiệu quả để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Thái Thị Kim Oanh (2020), <i>Giáo trình Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội</i>, NXB ĐH Vinh</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Phạm Văn Dũng (2018), <i>Giáo trình Phân tích chính sách kinh tế - xã hội</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p>3. Nguyễn Văn Phúc (2020), <i>Phân tích và đánh giá chính sách</i>, NXB CTQG Sự thật</p>
7	3QT205		<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Phạm Thúy Hương & Phạm</p>



		Hành vi tổ chức	<p>hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức, Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần, học viên hiểu và vận dụng được kiến thức về hành vi của các nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Giải thích được tại sao các nhân trong tổ chức lại hành động như thế này mà không hành động như thế kia trong những tình huống cụ thể. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các chức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.</p>	<p>Thị Bích Ngọc (2018), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Bùi Anh Tuấn & Phạm Thúy Hương (2013), <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.</p> <p>3. Robbins S.P, Timothy A.Judge, <i>Hành vi tổ chức</i>, NXB Lao động xã hội, 2012.</p>
8	3QT211	Quản trị sự thay đổi	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giúp người học có các kiến thức liên quan đến tổng quan về sự thay đổi, phương pháp và mô hình quản trị sự thay đổi, quản trị sự thay đổi cá nhân, quản trị sự thay đổi của tổ chức, tạo động lực để thay đổi.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về quá trình quản trị sự thay đổi trong tổ chức đáp ứng sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp; Vận dụng được các quy trình quản trị sự thay đổi trong tổ chức, sự thay đổi cá nhân và phương pháp thích nghi với sự thay đổi cá nhân, sự thay đổi trong tổ chức và phương pháp lãnh đạo sự thay đổi trong tổ chức; Tạo động lực để thay đổi trong tổ chức.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang (2018), <i>Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức</i>, NXB Bách khoa Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Allan Afuah (2012), <i>Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>3. Nguyễn Thị Thu Hương (2016), <i>Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh</i>, NXB CTQG</p>



9	3QT210	Quản trị rủi ro	<p><i>Nội dung học phần:</i> Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ đối với cá nhân mà còn rất quan trọng đối với doanh nghiệp. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc ứng phó với những tình huống xấu có thể xảy ra, từ đó có thể hạn chế những thiệt hại trong kinh doanh. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro như các nguyên tắc, mô hình, tiêu chuẩn trong quản trị rủi ro, đặc biệt có phân tích các nhân tố ảnh hưởng nhiều nhất đến các hoạt động quản trị rủi ro doanh nghiệp. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tuân thủ, rủi ro báo cáo, rủi ro chiến lược... được giới thiệu trong môn học để giúp người học có kiến thức về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo tiêu chuẩn mới nhất.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp như các mô hình quản trị rủi ro phổ biến đã được nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam và thế giới áp; Vận dụng được các giải pháp quản trị rủi ro trong doanh nghiệp theo nhóm nhân tố tác động; Xây dựng khung quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng ứng dụng các tiêu chuẩn hoặc mô hình quản trị rủi ro cho doanh nghiệp từ đó chủ động ứng phó với những rủi ro của doanh nghiệp</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Eric Verzuh (2020), <i>MBA Căn Bản - Quản Lý Rủi Ro Và Hiệu Suất Công Việc</i>, NXB Dân trí (Hoa Nguyễn Ngọc dịch).</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa-Văn nghệ.</p> <p>3. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p>
10	3KQ103	Phân tích hoạt động kinh tế	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về chức năng, vị trí của phân tích hoạt động kinh tế: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh tế; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất và phân tích tình hình tài chính. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của cơ quan, đơn vị.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực, kỹ năng vận dụng phương pháp phân tích hoạt động kinh tế để phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ, tình hình tài chính của cơ quan, đơn vị</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Quang (2014), <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB Đại học KTQD.</p>



11	3KQ102	Kế toán cho nhà quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính và kế toán quản trị, bao gồm bản chất, nguyên tắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định; các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực đọc hiểu, phân tích thông tin kế toán phục vụ ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; có khả năng xác định chi phí, lập và phân tích các loại dự toán; có khả năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm và có khả năng phân tích các báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), <i>Giáo trình kế toán quản trị</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2019), <i>Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam</i>, NXB tài chính</p> <p>3. Ngô Thế Chi, Nguyễn Mạnh Thiều (2015), <i>Giáo trình Kế toán dành cho nhà quản lý</i>, NXB tài chính</p>
12	3KQ104	Kế toán trách nhiệm quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm, nhiệm vụ và vai trò của kế toán trách nhiệm trong việc đánh giá trách nhiệm quản lý kinh tế, tổ chức phân cấp quản lý; khái niệm, phân loại và hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm; cung cấp tổng quan về đánh giá thành quả quản lý; các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá thành quả tại các trung tâm trách nhiệm; nội dung và phương pháp lập báo cáo bộ phận.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Huỳnh Lợi và cộng sự (2021), <i>Kế toán quản trị</i>, NXB Tài chính</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị</p>



			<p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực phân loại các trung tâm trách nhiệm, có năng lực vận dụng các chỉ tiêu, phương pháp để đánh giá thành quả của các trung tâm trách nhiệm, có khả năng lập báo cáo bộ phận.</p>	<p>Hồng và cộng sự (2021), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Đại học KTQD</p>
13	3KC101	Kiểm soát quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Kiểm soát quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách đãi ngộ đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể thực hiện được các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Huyền (2018), <i>Kiểm soát</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Bob Tricker, dịch giả Nguyễn Thị Thu Hương (2020), <i>Kiểm soát quản trị (Corporate Governance)</i>, NXB tổng hợp TPHCM</p>
14	3KC102	Kiểm soát nội bộ	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về KSNB như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Hữu Ánh (2021), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p>

			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.</p>	<p>2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), <i>Kiểm soát nội bộ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. VCCI, UNDP (2020), <i>Manual on Application of Internal Controls and Codes of conduct in business – Reference for Vietnamese Business</i>, NXB Tài chính</p>
15	3KC103	Hệ thống thông tin quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của hệ thống thông tin quản lý. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành của hệ thống thông tin quản lý. Hiểu được nội dung tổ chức, vận hành, sử dụng kết quả do hệ thống thông tin quản lý của đơn vị mang lại.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng xử lý và thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích dữ liệu thông tin dưới dạng các loại thông tin điều hành, thông tin chiến lược, thông tin chiến thuật phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị. Người học có kỹ năng xây dựng, triển khai HTTTQL, có kỹ năng ứng dụng HTTTQL trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Trần Thị Song Minh (2019), <i>Hệ thống thông tin quản lý</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Đàm Gia Mạnh (2017), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Effy Oz, <i>Management Information System</i>, 6 th Edition</p> <p>4. Kenneth C. Laudon and Jane P.Laudon (2016), <i>Management Information</i></p>



				<i>Systems-managing the digital firm</i> , Prentice Hall, 13 th Edition.
16	3KT132	Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng để đánh giá, nhận biết và phân tích sơ bộ hiệu quả của các chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước. Có kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Phan Huy Đường (2015), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Thái Thị Kim Oanh (2020), <i>Giáo trình Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội</i>, NXB ĐH Vinh.</p> <p>3. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), <i>Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ.</p>
17	3KT201	Phát triển bền vững	<p><i>Nội dung học phần:</i> Khái lược về sự phát triển và trình độ phát triển của các quốc gia; Các thách thức về môi trường, xã hội và sự phát triển; Phát triển bền vững: tiến trình, khái niệm, nội dung, mô hình và các nguyên tắc phát triển bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Phát triển bền vững ở Việt Nam: Agenda 21 của Việt Nam; 5 năm phát triển bền vững: thành tựu và thách thức; Định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 và các chỉ tiêu đánh giá.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Bùi Văn Dũng (2014), <i>Phát triển bền vững</i>, NXB Đại học Vinh</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Đình Hoè (2016),</p>



			<p><i>Năng lực đạt được:</i> Học viên sau khi nghiên cứu môn học có được những kỹ năng và phương pháp luận chuyên sâu về phân tích hệ thống mối tương tác giữa các yếu tố tự nhiên và đời sống xã hội trong hệ sinh thái/hệ sinh thái nhân văn và quan hệ của chúng trong phát triển bền vững.</p>	<p><i>Môi trường và phát triển bền vững</i>, Nhà XB Giáo dục.</p> <p>3. Trương Quang Học (2012), <i>Việt Nam, thiên nhiên và phát triển con người</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.</p>
18	3KT202	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế và chính sách phát triển vùng, cụ thể như: nghiên cứu các lý luận về sự hình thành thành và phát triển vùng, bản chất và nội dung của Vùng kinh tế, tìm hiểu các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển vùng, Marketing và liên kết vùng; nghiên cứu chính sách chủ yếu phát triển vùng; và phát triển vùng ở Việt Nam.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Kết thúc học phần, người học sẽ phân tích được các nguồn lực, đánh giá các nguồn lực, khả năng thực hiện chính sách. Xây dựng được 1 số chiến lược Marketing vùng cho 1 số lĩnh vực cụ thể tại vùng địa phương. Phân tích được các phương thức và công cụ thực hiện chính sách vùng ở Việt Nam hiện nay. Tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam; Có kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan đến các chính sách phát triển vùng; Nắm chắc được phương pháp luận và một số phương pháp cụ thể về xây dựng và hoạch định chính sách phát triển vùng phù hợp với điều kiện của mỗi vùng</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Xuân Trường (2013), <i>Giáo trình Phát triển vùng</i>, NXB Đại học Thái Nguyên</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Lê Thông và Nguyễn Quý Thao (2012), <i>Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Ngô Thắng Lợi (2013), <i>Kinh tế phát triển</i>, NXBDH KTQD</p>
19	3KT203		<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho những người học những kiến thức tổng quan về nền kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật quốc tế về các</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn</p>



		Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá	<p>lĩnh vực kinh tế. Nghiên cứu các chính sách thương mại quốc tế và hệ thống các công cụ, biện pháp của chính sách thương mại quốc tế trong quá trình hội nhập sân chơi trong khu vực cũng như quốc tế. Ngoài ra, học phần phân tích sâu hơn về các hình thức hội nhập, bao gồm hội nhập kinh tế toàn cầu (trong khuôn khổ WTO) và hội nhập kinh tế khu vực ASEAN, APEC, EU... và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, những cơ hội, thách thức đối với Việt Nam khi tham gia tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về nền kinh tế thế giới và lý thuyết và các vấn đề thực tế liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế từ đó người học có đủ năng lực phân tích, nhận dạng, đánh giá các tác động và dự báo những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đến quốc gia và doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá. Ngoài ra, người học còn nắm vững kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế về các lĩnh vực kinh tế trong đó nghiên cứu các chính sách thương mại quốc tế hiện nay, nghiên cứu các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật trên thế giới và các tổ chức kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam. Các vấn đề Việt Nam cần quan tâm khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.</p>	<p>Như Bình (2019), <i>Giáo trình Hội Nhập Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>3. Nguyễn Hồng Thao, Trinh Hải Yến (2020), <i>Giáo trình Luật kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội</p>
20	3KT204	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các nội dung về tuyển dụng nhân lực, tức là tạo nguồn nhân lực cho một tổ chức bao gồm phân tích công việc, công tác định mức lao động, tuyển mộ và tuyển chọn. Các nội dung liên quan đến phát triển nguồn nhân lực bao gồm đào tạo, phát triển, đánh giá nguồn nhân lực; Duy trì và phát triển nguồn nhân lực bao gồm công tác tiền lương, tiền thưởng, kỷ luật, quan hệ lao động, đào tạo và bồi dưỡng.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học phần giúp học viên có kiến thức nền tảng về các vấn đề chủ yếu về quản lý và phát triển nguồn nhân lực, vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế để vận dụng trong điều kiện nguồn nhân lực và phát triển kinh tế tại Việt Nam. Có kỹ năng thu</p>	<p>Học liệu chính</p> <p>1. Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Vũ Hoàng Ngân, Phạm Thị Bích Ngọc (2019), <i>Giáo trình</i></p>

			thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan trong thực tiễn về các lĩnh vực quản lý và phát triển nguồn nhân lực.	<p><i>phát triển nguồn nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>3. Trần Xuân Cầu (2020), <i>Giáo Trình Thị Trường Lao Động</i>, NXB Đại học KTQD</p>
21	3QT204	Lãnh đạo và quản lý	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về lãnh đạo và quản lý đồng thời rèn luyện các kỹ năng phẩm chất thái độ về xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng lãnh đạo và quản lý vào trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và quá trình toàn cầu hoá.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), <i>Khoa học lãnh đạo</i>, NXB lý luận chính trị.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>3. John C.Maxwell (2012), <i>Phát triển kỹ năng lãnh đạo</i> (Developing the Leader within You), NXB Lao động -Xã hội.</p> <p>4. Nguyễn Bá Dương (2015),</p>

				<i>Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng</i> , NXB Lý luận chính trị.
22	3QT202	Quản trị chiến lược trong tổ chức	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết như: Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey...</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức; có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập KTQT sâu rộng.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Hoàng Văn Hải (2017), <i>Quản trị chiến lược</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội</p> <p>3. Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học KTQD.</p>
23	3QT201	Kỹ năng quản trị	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện các nhóm kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp bao gồm nhóm kỹ năng cá nhân, nhóm kỹ năng quan hệ với con người, nhóm kỹ năng đàm phán, kỹ năng quản trị xung đột, kỹ năng tạo động lực làm việc, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích tài chính và ra quyết định trong doanh nghiệp.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có thể vận dụng thành thạo các nhóm kỹ năng quản trị cá nhân, kỹ năng quản trị nhân sự và kỹ năng quản trị tổ chức vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. Nguyễn Hải Sản (2011), <i>Phong cách lãnh đạo hiệu quả</i></p>

				<p>và các kỹ năng quản trị cơ bản trong kinh doanh: Dành cho nhà nước quản lý và doanh nhân, NXB Lao động</p> <p>3. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p>
24	3TC201	Quản lý tài chính công	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm kiến thức chung về NSNN và quản lý NSNN như khái niệm, nội dung của quản lý NSNN; qui trình quản lý NSNN, quản lý thu NSNN, quản lý chi NSNN, quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức cân đối NSNN, quản lý nợ công.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành các nghiệp vụ như lập dự toán NSNN ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý thu phí, lệ phí, quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cân đối NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý nợ công.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), <i>Giáo trình quản lý tài chính công</i>, NXB tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Trương Huỳnh Thắng (2016), <i>Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>3. Phan Hữu Nghị, Lê Hùng Sơn (2020), Bài giảng tài chính công, NXB, ĐHKQTĐ</p>
25	3TC103		<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về thuế và quản lý thuế tại Việt Nam hiện nay. Trong đó tập trung vào quản lý một số sắc</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Lê Hoàng Bá Huyền,</p>

		<p>Chính sách và nghiệp vụ thuế</p>	<p>thuế cơ bản như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có khả năng vận dụng kiến thức đã nghiên cứu về chính sách và nghiệp vụ thuế; trong quản lý đối với đối với các sắc thuế Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp, trong các đơn vị có sự nghiệp công lập và ngoài công lập có sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cũng như các đơn vị kinh tế khác.</p>	<p>Nguyễn Thị Bất (2016), <i>Chính sách và nghiệp vụ Thuế</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Lê Hoàng Bá Huyền và các cộng sự (2016), <i>Câu hỏi và bài tập thuế</i>, NXB Lao động</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>3. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiệu (2014), <i>Thuế</i>, NXB Tài chính</p>
26	3TC102	<p>Thị trường và định chế tài chính</p>	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức có tính hệ thống về thị trường tài chính, trên cơ sở đó đi sâu phân tích bản chất cấu trúc của thị trường tài chính; chức năng, vai trò của thị trường tài chính; đặc điểm của các công cụ tài chính ngắn hạn, các công cụ tài chính dài hạn; vai trò và các loại hình tổ chức tài chính trung gian; mục tiêu, các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương; phân tích các chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính – tiền tệ.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có thể phân tích, vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng, hiểu biết về thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian vào trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Lê Thị Tuyết Hoa (2016), <i>Giáo trình Thị trường tài chính và các định chế tài chính</i>, NXB Kinh tế TP HCM</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2. Nguyễn Văn Tiến và cộng sự (2016), <i>Tiền tệ Ngân hàng và Thị trường tài chính</i>, NXB Lao động</p> <p>3. Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê</p>

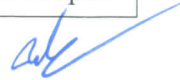
aly

27	3KT205	Quản lý Logistics	<p><i>Nội dung học phần:</i> Cung cấp cho người học cho những người học những kiến thức tổng quan về logistics và quản lý logistics, bao gồm: tổng quan về logistics; Những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ logistics trong thời kỳ hội nhập; Nội dung về hoạt động logistics chức năng như dịch vụ khách hàng, thu mua, dự trữ và chuỗi cung ứng, vận tải và kho bãi...; Logistics trong thương mại điện tử và logistics toàn cầu, Các chiến lược sử dụng phổ biến trong lĩnh vực logistics; Tư duy logistics và xu hướng phát triển logistics; giải pháp phát triển dịch vụ logistics - cơ hội và thách thức.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Kết thúc học phần, người học sẽ nắm vững được các kiến thức cơ bản các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ logistics trong thời kỳ hội nhập từ đó đánh giá, thiết kế, triển khai và vận hành hiệu quả hệ thống logistics. Đồng thời có kỹ năng tổng hợp và phân tích những tác động của kinh tế toàn cầu đến logistics từ đó đưa ra được những nhận định về xu hướng phát triển logistics cũng như các chiến lược logistics phù hợp trong từng lĩnh vực cụ thể.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đỗ Ngọc Hiền (2017), <i>Giáo trình Quản lý Logistics</i>, NXB ĐH Quốc gia 2. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), <i>Giáo trình quản trị Logistics kinh doanh</i>, NXB Hà Nội <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Giáo trình Logistics và những vấn đề cơ bản</i>, NXB Lao Động – Xã Hội
28	3KT206	Quản lý tài nguyên và môi trường	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần Quản lý tài nguyên là môi trường cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường như: Các khái niệm cơ bản, các cơ sở khoa học của quản lý tài nguyên và môi trường; Các công cụ, nguyên tắc quản lý tài nguyên môi trường và cách vận dụng các công cụ này trong một số lĩnh vực của quản lý tài nguyên và môi trường</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Từ những hiểu biết cơ bản học phần Quản lý tài nguyên và môi trường, người học vận dụng được vào giải quyết các vấn đề về quản lý tài nguyên và môi trường trong thực tế, xử lý thành thạo các bài tập tình huống xảy ra và trên cơ sở đó phải thể hiện rõ quan điểm của mình về các vấn đề tài nguyên và môi trường đang diễn ra trong thực</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bùi Quốc Lập và Nguyễn Thị Xuân Thắng (2019), <i>Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường</i>, NXB Bách Khoa. <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Nguyễn Thế Chinh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế & quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê – Hà Nội.

			<p>tiền, phân tích được tác động của môi trường dưới quan điểm nhà doanh nghiệp và nhà quản lý. Sử dụng được các công cụ quản lý về tài nguyên và môi trường trong từng tình huống, Có kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan trong thực tiễn về các lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.</p>	<p>3. Nguyễn Thanh Thủy (2017), <i>Bài giảng Luật môi trường</i>, NXB Đại học KTQD</p>
29	3KT207	Quản lý dự án đầu tư	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý dự án đầu tư Sự cần thiết và mục tiêu của các dự án đầu tư; đánh giá nhu cầu thị trường, tiêu thụ sản phẩm đối với dự án sản xuất, kinh doanh; tính cạnh tranh của sản phẩm; tác động xã hội đối với địa phương, khu vực (nếu có). Trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư...Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Học viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý các dự án đầu tư, quản lý tiến độ thời gian của các dự án đầu tư.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Từ những hiểu biết cơ bản học phần, Người học có thể vận dụng để tự nghiên cứu và lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án. Đánh giá tính khả thi của dự án trên các khía cạnh: kinh tế - tài chính và xã hội của dự án. So sánh, lựa chọn các dự án khả thi nhất theo các chỉ tiêu tài chính. Có kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin liên quan trong thực tiễn về các lĩnh vực quản dự án đầu tư.</p>	<p><i>Giáo trình chính</i></p> <p>1. Từ Quang Phương (2014), <i>Quản lý dự án đầu tư</i>, NXB Đại học KTQD.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i></p> <p>2. PGS TS Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2014), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKTQD.</p> <p>3. Lê Hồng Phương Hạ dịch (2019), <i>Kỹ Năng Quản Lý Dự Án Hiệu Quả</i>, Nhà Xuất Bản Phụ Nữ.</p>
30	3KTTT1	Thực tập	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giúp người học nâng cao và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, năng lực vận dụng các vấn đề lý thuyết về quản lý kinh tế như hoạch định chính sách kinh tế, những vấn đề phát triển và quản lý kinh tế trong thời kỳ hội nhập, quản lý nguồn nhân lực quản lý chất lượng, quản lý tài nguyên môi trường ... và phân tích vào thực tiễn các hoạt động đó tại các tổ</p>	<p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Các giáo trình, tài liệu về kinh tế, quản lý kinh tế, quản trị, tài chính kế toán</p>



			<p>chức, đơn vị thuộc lĩnh vực kinh tế. Học phần giúp học viên trau dồi năng lực, vận dụng lý luận vào thực tiễn tại các tổ chức, đơn vị để phân tích, đánh giá thực trạng; nhận diện các vấn đề còn hạn chế để từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện các tồn tại, hạn chế tại đơn vị nghiên cứu.</p> <p><i>Năng lực cần đạt được:</i> Kết thúc học phần học viên có năng lực phân tích, đánh giá; kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên sâu và nâng cao vào thực tiễn các hoạt động tại đơn vị; Kỹ năng phân tích, xử lý, tổng hợp thông tin liên quan trong lĩnh vực quản lý kinh tế; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu. Từ đó, người học có được năng lực tư vấn, tham mưu lãnh đạo, quản lý, hoạch định chính sách phát triển kinh tế.</p>	<p>2. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu</p> <p>3. Tham khảo các tài liệu về lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
31	3KTDA1	Đề án thạc sĩ	<p><i>Nội dung học phần:</i> Học phần giúp học viên vận dụng kiến thức về quản lý kinh tế như hoạch định chính sách kinh tế, những vấn đề phát triển và quản lý kinh tế trong thời kỳ hội nhập, quản lý nguồn nhân lực quản lý chất lượng, quản lý tài nguyên môi trường... và phân tích và các kiến thức tổng hợp khác để trình bày vấn đề nghiên cứu; đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu và xác định được kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế của vấn đề nghiên cứu tại 1 đơn vị nghiên cứu cụ thể. Từ đó, học viên có khả năng đề xuất giải pháp hoàn thiện các vấn đề về quản lý kinh tế tại đơn vị nghiên cứu.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Học phần giúp học viên có năng lực tư duy, khái quát hóa, tổng hợp, thu thập, xử lý thông tin, tài liệu về các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý kinh tế, có khả năng độc lập, sáng tạo, tự nghiên cứu về lĩnh vực quản lý kinh tế tại đơn vị nghiên cứu.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Các giáo trình, tài liệu về kinh tế, quản lý kinh tế, quản trị, tài chính kế toán</p> <p>2. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu</p> <p>3. Tham khảo các tài liệu về lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>



3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Được phân bổ trong 4 học kỳ. Kỳ 1: gồm 5 HP (16TC); kỳ 2: gồm 06 HP (18TC); kỳ 3: gồm 04 HP và HP thực tập tốt nghiệp (17TC); kỳ 4: 01 HP tốt nghiệp (đề án) (09TC).

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số TC
HK 1 (16TC)	- 2 HP chung	07
	+ Triết học	04
	+ Ngoại ngữ	03
	- 1 HP bắt buộc của khối kiến thức cơ sở	03
	+ Kinh tế học quản lý	03
	- 2/6 HP tự chọn của khối kiến thức cơ sở	06
	+ Phương pháp NCKH trong kinh doanh và quản lý	03
	+ Thống kê ứng dụng trong kinh tế	03
	+ Phân tích và đánh giá chính sách KT-XH	03
	+ Hành vi tổ chức	03
+ Quản trị sự thay đổi	03	
+ Quản trị rủi ro	03	
HK 2 (18 TC)	- 2 HP bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	06
	+ QLNN về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	03
	+ Phát triển bền vững	03
	- 2/6 HP tự chọn của khối kiến thức cơ sở	06
	+ Phân tích hoạt động kinh tế	03
	+ Kế toán cho nhà quản lý	03
	+ Kế toán trách nhiệm quản lý	03
	+ Kiểm soát quản lý	03
	+ Kiểm soát nội bộ	03
	+ Hệ thống thông tin quản lý	03
	- 2/6 HP tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành	06
	+ Lãnh đạo và quản lý	03
	+ Quản trị chiến lược trong các tổ chức	03
	+ Kỹ năng quản trị	03
+ Quản lý tài chính công	03	
+ Chính sách và nghiệp vụ thuế	03	
+ Thị trường và định chế tài chính	03	
HK 3 (17 TC)	- 3 HP bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	08
	+ Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	03
	+ Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá	02
	+ Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	03
	- 1/3 HP tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành	03
	+ Quản lý Logistics	03
	+ Quản lý tài nguyên và môi trường	03
+ Quản lý dự án đầu tư	03	
- Thực tập tốt nghiệp	06	
HK 4 (9 TC)	- Viết và bảo vệ đề án tốt nghiệp	09

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

STT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA						
		PLO1	PLO2	PL03	PLO4	PL05	PLO6	PLO7
1	Triết học		M					R
2	Tiếng anh		M				M	R
3	Kinh tế học quản lý		M		R	R		R
4	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế		R		M	R		R
5	Thông kế ứng dụng trong kinh tế		R		M	R		R
6	Phân tích và đánh giá chính sách KT-XH		R		M	R		R
7	Hành vi tổ chức		M	R		R		R
8	Quản trị sự thay đổi		M	R		R		R
9	Quản trị rủi ro		M	R		R		R
10	Phân tích hoạt động kinh tế		M	R		R		R
11	Kế toán cho nhà quản lý		M	R		R		R
12	Kế toán trách nhiệm quản lý		M	R		R		R
13	Kiểm soát quản lý		M	R		R		R
14	Kiểm soát nội bộ		M	R		R		R
15	Hệ thống thông tin quản lý		M	R		R		R
16	QLNN về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	M	R	R		R		M
17	Phát triển bền vững	M	R	R		R		M
18	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	M	R	R		R		M

19	Hội nhập KTQT và Toàn cầu hoá	M	R	R		R		M
20	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	M	R	R		R		M
21	Lãnh đạo và quản lý	R	M	R		R		M
22	Quản trị chiến lược trong các tổ chức	R	M	R		R		M
23	Kỹ năng quản trị	R	M	R		R		M
24	Quản lý tài chính công	R	M	R		R		M
25	Chính sách và nghiệp vụ thuế	R	M	R		R		M
26	Thị trường và định chế tài chính	R	M	R		R		M
27	Quản lý logistics	M	R	R		R		M
28	Quản lý tài nguyên và môi trường	M	R	R		R		M
29	Quản lý dự án đầu tư	M	R	R		R		M
	Thực tập	M	M	M	M	M		M
	Tốt nghiệp (Đề án)	M	M	M	M	M		M

Ghi chú: Các mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Bùi Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA


TS. Lê Quang Hiếu